

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
HỘI ĐỒNG CHẤM THI KỲ THI THÀNH LẬP CÁC ĐỘI TUYỂN
DỰ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025-2026

KẾT QUẢ CHẤM THI

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
1	Địa lí	ĐL001	Nguyễn Hoàng Minh An	23/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,75	12,25	22	
2	Địa lí	ĐL002	Nguyễn Trần Trang Anh	28/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,75	9,75	20,5	
3	Địa lí	ĐL003	Trần Thị Ngọc Ánh	04/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Tôn Đức Thắng	8	9,5	17,5	
4	Địa lí	ĐL004	Ngô Hoài Bằng	21/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT Phan Đình Phùng	6,25	7,25	13,5	
5	Địa lí	ĐL005	Lê Trần Ngọc Bích	15/08/2008	Tuy Hoà	12	THPT Nguyễn Huệ	7,25	9	16,25	
6	Địa lí	ĐL006	Đỗ Duy Bảo Châu	26/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,75	10	20,75	
7	Địa lí	ĐL007	Lê Nguyễn Bảo Châu	28/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	6,75	7	13,75	
8	Địa lí	ĐL008	Nguyễn Diệu Bằng Châu	23/05/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9	9,5	18,5	
9	Địa lí	ĐL009	Phạm Hồng Duyên	02/08/2009	Quảng Ngãi	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7	10	17	
10	Địa lí	ĐL010	Lê Thị Thùy Duyên	10/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	7,5	6,5	14	
11	Địa lí	ĐL011	Trần Minh Đăng	02/12/2008	Tuy Hoà	12	THPT Nguyễn Huệ	11,75	10,75	22,5	
12	Địa lí	ĐL012	Lê Như Hoài Giang	22/12/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	6,75	7,75	14,5	
13	Địa lí	ĐL013	Nguyễn Thị Hương Giang	19/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	7	9,5	16,5	
14	Địa lí	ĐL014	Võ Ngọc Bích Hào	18/03/2008	Đắk Lắk	12	Phổ thông Duy Tân	5,75	6	11,75	
15	Địa lí	ĐL015	Nguyễn Ngô Gia Hân	06/02/2009	Tuy Hoà	11	THPT Nguyễn Huệ	7,25	11,5	18,75	
16	Địa lí	ĐL016	Phạm Văn Học	04/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Tôn Đức Thắng	6,5	12,5	19	
17	Địa lí	ĐL017	Nguyễn Thị Mai Hương	14/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	4,5	7,5	12	
18	Địa lí	ĐL018	Nguyễn Thị Thu Hương	13/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Trần Quốc Tuấn	5,5	10	15,5	
19	Địa lí	ĐL019	Phạm Mỹ Ly	30/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT Võ Thị Sáu	12,5	10	22,5	
20	Địa lí	ĐL020	Nguyễn Thị Hồng Mi	03/12/2008	Đắk Lắk	12	THPT Ngô Gia Tự	7,25	7,25	14,5	
21	Địa lí	ĐL021	Nguyễn Nữ Nauy	16/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,5	3,75	13,25	
22	Địa lí	ĐL022	Lê Huỳnh Phương Nghi	08/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6	4,5	10,5	
23	Địa lí	ĐL023	Võ Trần Bảo Ngọc	04/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Bội Châu	7	8,5	15,5	
24	Địa lí	ĐL024	Nguyễn Quỳnh Diễm Như	07/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	7,75	3	10,75	
25	Địa lí	ĐL025	Trần Lê Quỳnh Như	01/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	8,25	8	16,25	
26	Địa lí	ĐL026	Nguyễn Thị Tâm Như	26/09/2008	Tiền Giang	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,5	5	9,5	
27	Địa lí	ĐL027	Lê Hoàng Phương	28/12/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12	11	23	
28	Địa lí	ĐL028	Võ Trí Thao	17/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	4,25	6,25	10,5	
29	Địa lí	ĐL029	Huỳnh Anh Thoa	20/12/2008	Tuy Hoà	12	THPT Nguyễn Huệ	8,5	8	16,5	
30	Địa lí	ĐL030	Phạm Ngọc Hoa Tiên	19/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	9,5	6,75	16,25	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
31	Địa lí	ĐL031	Lê Phạm Thảo Tiên	04/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9	9,25	18,25	
32	Địa lí	ĐL032	Trương Đoàn Bảo Trân	05/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5	2,75	7,75	
33	Địa lí	ĐL033	Lê Quốc Tuấn	18/02/2008	Phú Yên	12	THPT Nguyễn Công Trứ	9	9,25	18,25	
34	Địa lí	ĐL034	Võ Thị Cẩm Tú	16/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	8,5	9	17,5	
35	Địa lí	ĐL035	Lê Quỳnh Vi	08/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	7,75	6	13,75	
36	Địa lí	ĐL036	Đặng Minh Vương	04/03/2008	Phú Hoà 1	12	THPT Nguyễn Huệ	8,5	6,25	14,75	
29	Địa lí	ĐL037	Nguyễn Bảo An	22/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,5	13	25,5	
38	Địa lí	ĐL038	Nguyễn Trần Mai An	25/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Phan Đình Phùng	7	10,75	17,75	
39	Địa lí	ĐL039	Nguyễn Thọ Hoàng Anh	07/01/2008	Đắk Lắk	12	PTDTNT THPT Đam San	11,75	10,5	22,25	
40	Địa lí	ĐL040	Lê Ngọc Quỳnh Anh	16/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chu Văn An	5	5,25	10,25	
41	Địa lí	ĐL041	Nguyễn Võ Minh Ánh	16/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chu Văn An	5,75	8	13,75	
42	Địa lí	ĐL042	Bùi Đỗ Bình	10/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,5	10	20,5	
43	Địa lí	ĐL043	Quách Thị Hàn Châu	20/03/2009	Đắk Lắk	11	PTDTNT THPT Đam San	4,25	8,5	12,75	
44	Địa lí	ĐL044	Chu Khánh Chi	01/09/2008	Hải Phòng	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,5	11,25	21,75	
45	Địa lí	ĐL045	Nguyễn Huyền Diệu	10/07/2008	Bình Định	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,25	12,5	26,75	
46	Địa lí	ĐL046	Đỗ Minh Dũng	28/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,25	9,5	18,75	
47	Địa lí	ĐL047	Cao Minh Hạnh	02/12/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13	13,75	26,75	
48	Địa lí	ĐL048	Nguyễn Phạm Gia Hân	14/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,25	12,75	25	
49	Địa lí	ĐL049	Nguyễn Thị Hiền	21/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trường Chinh	9	6,5	15,5	
50	Địa lí	ĐL050	Nguyễn Hồ Minh Hiếu	14/02/2008	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Đông Du	6,5	9,5	16	
51	Địa lí	ĐL051	Nguyễn Hoàng Thảo Hiền	03/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Hồng Đức	3,5	3	6,5	
52	Địa lí	ĐL052	Nguyễn Thị Huế	02/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Nguyễn Thái Bình	10,5	10,5	21	
53	Địa lí	ĐL053	Trương Tấn Bảo Huy	22/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,25	14,75	28	
54	Địa lí	ĐL054	Nguyễn Thị Lan Hương	12/02/2009	Bắc Ninh	11	THPT số 1 Nguyễn Huệ	6,75	9,5	16,25	
55	Địa lí	ĐL055	Lưu Quốc Khánh	08/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	4,25	4,25	8,5	
56	Địa lí	ĐL056	Nguyễn Hoàng Anh Khoa	25/07/2008	Bình Phước	12	THPT Y Jút	9	10,25	19,25	
57	Địa lí	ĐL057	Nguyễn Hoàng Long	19/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,5	11,75	25,25	
58	Địa lí	ĐL058	Đặng Thị Thanh Ngọc	16/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Phan Đình Phùng	9	6,75	15,75	
59	Địa lí	ĐL059	Nguyễn Thị Quỳnh Nguyên	03/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	18,25	13,25	31,5	
60	Địa lí	ĐL060	Trần An Nhân	31/05/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Quý Đôn	12	11,25	23,25	
61	Địa lí	ĐL061	Nguyễn Thị Quỳnh Như	05/11/2008	Đắk Lắk	12	PTDTNT Tây Nguyên	5	5,25	10,25	
62	Địa lí	ĐL062	Hồ Ngọc Thảo Như	30/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	7,75	3,5	11,25	
63	Địa lí	ĐL063	Huỳnh Nguyễn Thiên Phú	23/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chu Văn An	5,5	7,75	13,25	
64	Địa lí	ĐL064	Lê Hồng Phúc	22/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Cư M'gar	10	11	21	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
65	Địa lí	ĐL065	Nguyễn Hà Phương	22/05/2010	Đắk Lắk	10	THCS và THPT Đông Du	7,5	7	14,5	
66	Địa lí	ĐL066	Ninh Thục Quyên	27/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,25	10,25	20,5	
67	Địa lí	ĐL067	Võ Diễm Quỳnh	07/08/2008	Bình Định	12	THPT Trần Quốc Toàn	11,25	9,25	20,5	
68	Địa lí	ĐL068	Nguyễn Thị Quỳnh	15/06/2009	Đắk Lắk	11	THPT Trần Quốc Toàn	11	7,75	18,75	
69	Địa lí	ĐL069	Trần Lê Nguyên Sơn	29/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT Hồng Đức	8,5	8,5	17	
70	Địa lí	ĐL070	Nguyễn Ngọc Thiện	23/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Cư M'gar	5,75	7,25	13	
71	Địa lí	ĐL071	Nguyễn Minh Thuận	03/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Việt Đức	6,75	7,75	14,5	
72	Địa lí	ĐL072	Nguyễn Trúc Thuận	24/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,25	10,75	21	
73	Địa lí	ĐL073	Ngô Anh Thư	06/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	14	14,5	28,5	
74	Địa lí	ĐL074	Nguyễn Thị Anh Thư	03/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lắk	9	9,75	18,75	
75	Địa lí	ĐL075	Hồ Thị Cẩm Tiên	28/07/2009	Bình Định	11	THPT Trần Quốc Toàn	7,75	8,5	16,25	
76	Địa lí	ĐL076	Nguyễn Đoàn Thủy Tiên	06/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,75	11	20,75	
77	Địa lí	ĐL077	Đặng Ngọc Trang	12/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Huỳnh Thúc Kháng	11,5	11,25	22,75	
78	Địa lí	ĐL078	Phạm Bảo Trân	13/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11	11,75	22,75	
79	Địa lí	ĐL079	Nguyễn Ngọc Tú	28/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Hùng Vương	9	8,5	17,5	
80	Địa lí	ĐL080	Vì Phúc Vinh	04/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Ngô Gia Tự	12,5	12	24,5	
81	Địa lí	ĐL081	Phan Thảo Vy	08/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,75	9,25	22	
82	Hóa học	HH001	Lê Quân Bảo	17/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1,125	2,375	3,5	
83	Hóa học	HH002	Lê Võ Tấn Cường	25/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT Phan Bội Châu	2	3,15	5,15	
84	Hóa học	HH003	Trần Quốc Duy	21/03/2008	Phú Yên	12	THPT Lê Trung Kiên	1,25	0,75	2	
85	Hóa học	HH004	Trần Tiến Đạt	05/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6,875	14,05	20,925	
86	Hóa học	HH005	Hồ Ngọc Hiền	10/02/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0	0,1	0,1	
87	Hóa học	HH006	Huỳnh Minh Hoàng	10/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,325	16,625	26,95	
88	Hóa học	HH007	Huỳnh Phúc Huân	08/05/2008	Tuy Hoà	12	THPT Nguyễn Huệ	2,175	1,825	4	
89	Hóa học	HH008	Lê Minh Huy	24/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	1,625	0,875	2,5	
90	Hóa học	HH009	Lê Nguyễn Như Huyền	03/12/2008	Đắk Lắk	12	THPT Ngô Gia Tự	0,875	0,625	1,5	
91	Hóa học	HH010	Nguyễn Phúc Khang	07/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3,15	3,05	6,2	
92	Hóa học	HH011	Bùi Nguyễn Anh Khôi	28/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1,3	1,375	2,675	
93	Hóa học	HH012	Tăng Chí Kiên	25/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,75	2,325	5,075	
94	Hóa học	HH013	Võ Gia Kỳ	18/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,3	8,475	12,775	
95	Hóa học	HH014	Lê Thanh Hoàng Long	29/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5,35	10,775	16,125	
96	Hóa học	HH015	Huỳnh Lê Phi Long	03/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6,2	9,675	15,875	
97	Hóa học	HH016	Đỗ Đức Lộc	03/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0,875	0,375	1,25	
98	Hóa học	HH017	Phạm Thị Bích Ngọc	02/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	1,25	2	3,25	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
99	Hóa học	HH018	Hồ Thảo Nương	12/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	3,5	3,75	7,25	
100	Hóa học	HH019	Lê Minh Phong	13/02/2009	Khánh Hòa	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,775	10,9	19,675	
101	Hóa học	HH020	Huỳnh Nguyên Quân	27/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1,5	0,75	2,25	
102	Hóa học	HH021	Đặng Lê Bảo Quyên	30/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0,875	0,75	1,625	
103	Hóa học	HH022	Nguyễn Thành Quyền	30/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	1,025	0,5	1,525	
104	Hóa học	HH023	Lê Xuân Sang	27/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	2,125	0,625	2,75	
105	Hóa học	HH024	Ngô Nguyễn Chí Thành	23/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Phan Đình Phùng	0,925	0,875	1,8	
106	Hóa học	HH025	Nguyễn Đỗ Nhật Thành	03/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,325	13,025	21,35	
107	Hóa học	HH026	La Ngọc Phương Thảo	30/12/2009	Đắk Lắk	11	Phổ thông Duy Tân	2,575	2,85	5,425	
108	Hóa học	HH027	Nguyễn Quý Thăng	21/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,875	9,925	14,8	
109	Hóa học	HH028	Trần Phúc Tín	19/12/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,625	1,625	4,25	
110	Hóa học	HH029	Nguyễn Trọng Tôn	27/01/2008	Phú Yên	12	THPT Lê Trung Kiên	1,125	0,25	1,375	
111	Hóa học	HH030	Nguyễn Thị Huyền Trâm	02/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,325	1,8	4,125	
112	Hóa học	HH031	Trần Trí Trung	07/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,05	5,45	7,5	
113	Hóa học	HH032	Nguyễn Dương Tuyên	27/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	1,4	0,625	2,025	
114	Hóa học	HH033	Nguyễn Hoàng Nhật Tuyến	11/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,875	1,75	4,625	
115	Hóa học	HH034	Huỳnh Ngọc Việt	21/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,425	1,625	4,05	
116	Hóa học	HH035	Trần Lê Anh Vũ	17/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,375	2,575	4,95	
117	Hóa học	HH036	Phùng Khánh Duy	26/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,45	15,5	29,95	
118	Hóa học	HH037	Đặng Công Đại	25/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,3	8,375	17,675	
119	Hóa học	HH038	Tô Tấn Đạt	28/11/2009	Bình Định	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,625	6,575	11,2	
120	Hóa học	HH039	Phan Văn Đạt	17/07/2009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	2,675	2	4,675	
121	Hóa học	HH040	Võ Minh Đăng	16/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,25	10,7	19,95	
122	Hóa học	HH041	Lê Hồng Đức	13/06/2009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	6	4,2	10,2	
123	Hóa học	HH042	Lê Nguyễn Song Hà	24/06/2009	Đắk Nông	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,175	4,725	8,9	
124	Hóa học	HH043	Vũ Đức Hải	25/08/2009	Đắk Nông	11	THCS và THPT Đông Du	3,025	3	6,025	
125	Hóa học	HH044	Văn Nguyễn Khánh Hân	14/08/2009	Tp. Hồ Chí Minh	11	THCS và THPT Đông Du	1,5	1,375	2,875	
126	Hóa học	HH045	Lê Huy Hoàng	22/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trường Chinh	1,95	1,5	3,45	
127	Hóa học	HH046	Trần Quang Huy	21/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	6,625	8,425	15,05	
128	Hóa học	HH047	Nguyễn Trọng Huy	06/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Đình Phùng	2,75	2,95	5,7	
129	Hóa học	HH048	Đặng Bảo Khang	02/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	6,475	5,925	12,4	
130	Hóa học	HH049	Phan Thanh Lâm	27/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,325	4,5	8,825	
131	Hóa học	HH050	Phạm Hoàng Minh	04/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,65	4,6	10,25	
132	Hóa học	HH051	Nguyễn Đình Quang Minh	12/08/2009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	4,5	1,125	5,625	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
133	Hóa học	HH052	Huỳnh Phước Tiến Minh	23/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	3,75	3,325	7,075	
134	Hóa học	HH053	Đinh Văn Nghĩa	18/03/2008	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Đông Du	10,425	8,675	19,1	
135	Hóa học	HH054	Nguyễn Đỗ Bình Nguyên	11/02/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,625	8,225	15,85	
136	Hóa học	HH055	Nguyễn Phước Nguyên	19/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,925	4,075	9	
137	Hóa học	HH056	Vũ Mai Thảo Nguyên	16/09/2008	Tp. Hồ Chí Minh	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,375	12,8	22,175	
138	Hóa học	HH057	Phạm Đoàn Gia Phát	12/06/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	2,95	1,75	4,7	
139	Hóa học	HH058	Nguyễn Thanh Sơn	09/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,625	12,75	22,375	
140	Hóa học	HH059	Bùi Ái Nhân Tâm	26/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,875	7,725	12,6	
141	Hóa học	HH060	Vũ Đăng Thịnh	03/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,5	5	9,5	
142	Hóa học	HH061	Hoàng Văn Thịnh	12/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Nguyễn Huệ	5,125	3,625	8,75	
143	Hóa học	HH062	Võ Phước Ngọc Thy	23/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,25	6,75	14	
144	Hóa học	HH063	Trần Ngọc Trâm	13/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,875	6,675	19,55	
145	Hóa học	HH064	Hứa Trọng Trí	18/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	3,375	7,6	10,975	
146	Hóa học	HH065	Lê Nguyễn Khánh Trúc	23/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,5	6,15	13,65	
147	Hóa học	HH066	Trương Anh Vũ	28/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT Ea H'leo	2,525	1,75	4,275	
148	Lịch sử	LS001	Nguyễn Ngọc Châu Anh	04/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3,5	10,25	13,75	
149	Lịch sử	LS002	Phùng Phương Anh	08/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5,25	6,25	11,5	
150	Lịch sử	LS003	Đỗ Gia Bảo	17/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	2,75	6,25	9	
151	Lịch sử	LS004	Nguyễn Xuân Diệu	03/03/2008	Phú Yên	12	THPT Lê Trung Kiên	9	9,25	18,25	
152	Lịch sử	LS005	Lê Thùy Dung	09/11/2009	Đắk Lắk	10	THPT Lê Lợi	6,5	4	10,5	
153	Lịch sử	LS006	Lê Nữ Linh Đan	08/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	3,5	6	9,5	
154	Lịch sử	LS007	Ngô Minh Đáng	02/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Võ Thị Sáu	10,5	11,5	22	
155	Lịch sử	LS008	Trà Thị Hậu Giang	10/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,75	12	22,75	
156	Lịch sử	LS009	Nguyễn Thị Sơn Hà	23/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Trãi	8,5	10,25	18,75	
157	Lịch sử	LS010	Trần Thị Thanh Hằng	28/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT Ngô Gia Tự	8,75	9,25	18	
158	Lịch sử	LS011	Nguyễn Kim Hoa	28/02/2009	Đắk Lắk	11	Phổ thông Duy Tân	6,5	6,25	12,75	
159	Lịch sử	LS012	Tô Thị Hòa	09/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	8,75	9,25	18	
160	Lịch sử	LS013	Trần Nguyễn Thu Hồng	28/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Võ Thị Sáu	6,75	9,25	16	
161	Lịch sử	LS014	Trương Anh Huy	30/07/2008	Phú Yên	12	THPT Lê Trung Kiên	3,5	7	10,5	
162	Lịch sử	LS015	Ngô Quốc Huy	15/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Văn Linh	8,5	8,25	16,75	
163	Lịch sử	LS016	Nguyễn Đăng Hưng	05/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Trãi	5,25	10	15,25	
164	Lịch sử	LS017	Trần Bảo An Khang	23/11/2009	Tuy Hoà	11	THPT Nguyễn Huệ	6,5	11,5	18	
165	Lịch sử	LS018	Trần Bảo Khang	27/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Võ Thị Sáu	10,75	11,25	22	
166	Lịch sử	LS019	Mai Thành Khang	14/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Bội Châu	8,25	7,75	16	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
167	Lịch sử	LS020	Trương Tuấn Khang	25/05/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	16,5	9,25	25,75	
168	Lịch sử	LS021	Nguyễn Tuấn Kiệt	07/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Trãi	10,5	10	20,5	
169	Lịch sử	LS022	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	03/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	10	9	19	
170	Lịch sử	LS023	Bùi Nguyễn Huyền Linh	12/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	10,5	9,75	20,25	
171	Lịch sử	LS024	Phan Hồng Nhật Minh	14/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	11	7,25	18,25	
172	Lịch sử	LS025	Lê Thị Trà My	03/12/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phạm Văn Đồng	5,5	7,25	12,75	
173	Lịch sử	LS026	Nguyễn Nhật San Nin	10/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Bội Châu	7,25	9,25	16,5	
174	Lịch sử	LS027	Lê Đức Anh Quân	18/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Phan Bội Châu	4	4,5	8,5	
175	Lịch sử	LS028	Trần Quốc Sáng	12/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Du	5,25	6	11,25	
176	Lịch sử	LS029	Lương Công Thiên	05/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phạm Văn Đồng	7,25	8,25	15,5	
177	Lịch sử	LS030	Huỳnh Thị Thanh Thịnh	24/12/2008	Phú Yên	12	THPT Lê Trung Kiên	9,25	10,25	19,5	
178	Lịch sử	LS031	Trương Công Thuận	05/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Suyền	10,25	8	18,25	
179	Lịch sử	LS032	Huỳnh Ngọc Bảo Trâm	10/03/2008	Tuy Hoà	12	THPT Nguyễn Huệ	6,25	5,75	12	
180	Lịch sử	LS033	Nguyễn Lê Huyền Trân	25/09/2008	Phú Yên	12	THPT Nguyễn Trường Tộ	8	8	16	
181	Lịch sử	LS034	Lê Thị Mỹ Trinh	07/04/2008	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Võ Văn Kiệt	6,5	6	12,5	
182	Lịch sử	LS035	Ngô Lê Thanh Trúc	23/01/2008	Tuy Hoà	12	THPT Nguyễn Huệ	3,75	8	11,75	
183	Lịch sử	LS036	Nguyễn Văn Trường	03/12/2008	Phú Yên	12	THPT Lê Trung Kiên	12	11,5	23,5	
184	Lịch sử	LS037	Trần Thị Kim Tuyền	12/05/2009	Phú Yên	11	THPT Lê Trung Kiên	8	7	15	
185	Lịch sử	LS038	Đào Kim Túc	28/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	6	6,75	12,75	
186	Lịch sử	LS039	Bùi Hồ Khánh Vân	15/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Văn Linh	9,5	9,75	19,25	
187	Lịch sử	LS040	Phan Quốc Vinh	19/03/2009	Đắk Lắk	11	Phổ thông Duy Tân	11	9	20	
188	Lịch sử	LS041	Đặng Thái Vy	04/09/2009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Nguyễn Viết Xuân	7	4,75	11,75	
189	Lịch sử	LS042	Nguyễn Trần Hoài An	13/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,5	9,25	19,75	
190	Lịch sử	LS043	Nguyễn Thiên An	16/01/0009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	8,25	8,25	16,5	
191	Lịch sử	LS044	Lê Nguyễn Xuân An	07/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	15	9,75	24,75	
192	Lịch sử	LS045	Võ Thùy Anh	26/09/2008	Hà Tĩnh	12	THPT số 1 Ngô Gia Tự	11,5	11	22,5	
193	Lịch sử	LS046	Nguyễn Hoàng Trúc Anh	22/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,25	11,25	25,5	
194	Lịch sử	LS047	Vũ Tuấn Anh	05/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Đôn	11	10,25	21,25	
195	Lịch sử	LS048	Nguyễn Minh Cẩm	05/11/0009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	7	7,25	14,25	
196	Lịch sử	LS049	Phạm Đào Bảo Châu	17/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,75	12,5	23,25	
197	Lịch sử	LS050	Nguyễn Dạ Minh Châu	01/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Nguyễn Thái Bình	13,75	13,75	27,5	
198	Lịch sử	LS051	Đinh Thị Thanh Chúc	28/02/2008	Đắk Lắk	12	PTDTNT THPT N' Trang Long	7,75	9,75	17,5	
199	Lịch sử	LS052	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	07/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	15,25	17	32,25	
200	Lịch sử	LS053	Trần Minh Hiếu	24/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chu Văn An	11,5	9,75	21,25	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
201	Lịch sử	LS054	Lưu Thị Minh Huyền	02/07/2008	Đắk Lắk	12	PTDTNT THPT N' Trang Long	8,25	11	19,25	
202	Lịch sử	LS055	Phùng Dương Thanh Khiết	12/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13	13,25	26,25	
203	Lịch sử	LS056	Vũ Thị Diệu Linh	26/02/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11	10,5	21,5	
204	Lịch sử	LS057	Nguyễn Khánh Linh	24/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Nhân Tông	9,5	8,75	18,25	
205	Lịch sử	LS058	Tổng Thị Bảo Ngân	20/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	2,5	3,25	5,75	
206	Lịch sử	LS059	Đỗ Bình Nguyên	04/08/2008	Gia Lai	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	14	11,5	25,5	
207	Lịch sử	LS060	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	11/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,5	11	25,5	
208	Lịch sử	LS061	Hoàng Thị Bảo Như	04/12/2008	Đắk Lắk	12	THPT Võ Nguyên Giáp	13,5	11,25	24,75	
209	Lịch sử	LS062	Trần Nguyễn Quỳnh Như	01/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Toản	12	11,5	23,5	
210	Lịch sử	LS063	Vũ Dương Phương Anh	25/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	3,75	3,5	7,25	
211	Lịch sử	LS064	Nguyễn Tô Hoàng Phong	10/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	14	14,5	28,5	
212	Lịch sử	LS065	Vũ Hoàng Phong	24/01/2007	Tp. Hồ Chí Minh	12	THPT số 1 Phan Đình Phùng	13,25	10,25	23,5	
213	Lịch sử	LS066	Đi Ô Khánh Phương	04/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	11,25	22,75	
214	Lịch sử	LS067	Nguyễn Quỳnh Phương	13/12/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Đại Nghĩa	0,5		0,5	
215	Lịch sử	LS068	Nguyễn Hoàng Quân	11/01/0009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	10,25	8,5	18,75	
216	Lịch sử	LS069	Nguyễn Văn Tài	27/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,25	12,75	25	
217	Lịch sử	LS070	Bun Hra Thaly	21/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13	14	27	
218	Lịch sử	LS071	Nguyễn Huy Trường Thành	30/06/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	13,75	25,25	
219	Lịch sử	LS072	Hồ Mai Thảo	28/02/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,5	15	27,5	
220	Lịch sử	LS073	Đặng Thị Ngọc Thảo	23/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chu Văn An	9,5	9,75	19,25	
221	Lịch sử	LS074	Đào Đức Thắng	29/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT Buôn Ma Thuột	9,75	9,75	19,5	
222	Lịch sử	LS075	Nguyễn Thị Hoài Thương	04/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Tất Thành	7,5	10,75	18,25	
223	Lịch sử	LS076	Nguyễn Trần Thủy Tiên	04/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,75	11	19,75	
224	Lịch sử	LS077	Nguyễn Bảo Trâm	13/12/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Toản	8,25	9,5	17,75	
225	Lịch sử	LS078	Nguyễn Minh Thảo Trâm	28/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,25	12,5	23,75	
226	Lịch sử	LS079	Hồ Hoàng Trí	20/06/2009	Quảng Nam	11	THPT Lê Quý Đôn	4,5	11	15,5	
227	Lịch sử	LS080	Đinh Kim Cẩm Tú	22/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Ngô Gia Tự	13,5	15,25	28,75	
228	Lịch sử	LS081	Bùi Chu Phước Tứ	14/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trường Chinh	5,75	8,5	14,25	
229	Lịch sử	LS082	Thân Thụy Mỹ Uyên	01/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	8	8	16	
230	Lịch sử	LS083	Bùi Thị Hải Yến	11/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	16,5	11,75	28,25	
231	Ngữ văn	NV001	Lê Nguyễn Bình An	04/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Văn Linh	10,25	9,75	20	
232	Ngữ văn	NV002	Lê Nữ Hoàng An	15/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8	10	18	
233	Ngữ văn	NV003	Huỳnh Thị Thùy An	15/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,75	11,5	24,25	
234	Ngữ văn	NV004	Đoàn Lê Anh	25/01/2008	Hà Nội	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,75	8,5	16,25	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
235	Ngữ văn	NV005	Nguyễn Đỗ Quỳnh Anh	25/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,5	12,75	25,25	
236	Ngữ văn	NV006	Trương Thị Hồng Ánh	27/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12	11,5	23,5	
237	Ngữ văn	NV007	Phạm Gia Bảo	16/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	9,75	11	20,75	
238	Ngữ văn	NV008	Võ Hoàng Châu	01/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	9,75	11,25	21	
239	Ngữ văn	NV009	Hoàng Minh Châu	20/02/2009	Phú Yên	11	THPT Lê Trung Kiên	10	9	19	
240	Ngữ văn	NV010	Võ Lê Lan Chương	30/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11	10,25	21,25	
241	Ngữ văn	NV011	Đỗ Trần Kiều Duyên	18/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Bội Châu	9,75	9,25	19	
242	Ngữ văn	NV012	Biện Huỳnh Cẩm Giang	05/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,5	8,5	17	
243	Ngữ văn	NV013	Đỗ Thị Cẩm Giang	25/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Phan Đình Phùng	10	9	19	
244	Ngữ văn	NV014	Nguyễn Ngọc Huyền Giang	07/12/2009	Tuy Hoà	11	THPT Nguyễn Huệ	11	10,5	21,5	
245	Ngữ văn	NV015	Lê Ngọc Thảo Giang	28/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Ngô Gia Tự	10,5	9	19,5	
246	Ngữ văn	NV016	Bùi Thị Thuý Hằng	22/11/2008	Tuy Hoà	12	THPT Nguyễn Huệ	10	10,5	20,5	
247	Ngữ văn	NV017	Ngô Võ Bích Hân	25/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	11	10,75	21,75	
248	Ngữ văn	NV018	Nguyễn Thị Gia Hân	24/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Ngô Gia Tự	10,5	10	20,5	
249	Ngữ văn	NV019	Nguyễn Vũ Gia Hợp	06/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Du	11	10	21	
250	Ngữ văn	NV020	Đỗ Hoàng Huyền	20/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Phan Bội Châu	10	8	18	
251	Ngữ văn	NV021	Mai Lệ Huyền	18/09/2008	Đắk Lắk	11	THPT Lê Lợi	8	10	18	
252	Ngữ văn	NV022	Đặng Võ Thanh Huyền	25/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10	11,75	21,75	
253	Ngữ văn	NV023	Nguyễn Hoàng An Khánh	25/12/2009	Đắk Lắk	11	THPT Lê Hồng Phong	9	10,5	19,5	
254	Ngữ văn	NV024	Trần Hoàng Gia Linh	03/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10	13,75	23,75	
255	Ngữ văn	NV025	Võ Thị Kim Mơ	19/07/2008	Đắk Lắk	11	THPT Lê Lợi	10	10,5	20,5	
256	Ngữ văn	NV026	Trình Diệu Quỳnh My	14/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,5	9,5	19	
257	Ngữ văn	NV027	Trần Ngọc Thảo My	14/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	14,5	9,5	24	
258	Ngữ văn	NV028	Trần Thị Thanh Ngân	06/05/2008	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Nguyễn Khuyến	9	10	19	
259	Ngữ văn	NV029	Trần Thu Ngân	22/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10	11	21	
260	Ngữ văn	NV030	Mai Phương Thúy Ngọc	20/05/2008	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Thái Bình	10	10,25	20,25	
261	Ngữ văn	NV031	Phạm Như Nguyễn	23/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,5	10,25	19,75	
262	Ngữ văn	NV032	Hồ Thảo Nhi	05/05/2008	Khánh Hòa	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10	9,5	19,5	
263	Ngữ văn	NV033	Nguyễn Thị Quỳnh Như	02/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	8	9,5	17,5	
264	Ngữ văn	NV034	Lê Thị Kim Oanh	14/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT Phan Đình Phùng	10,5	11,5	22	
265	Ngữ văn	NV035	Ngô Thị Bích Phương	20/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,5	12,75	25,25	
266	Ngữ văn	NV036	Nguyễn Thanh Thiên	23/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	10,5	10	20,5	
267	Ngữ văn	NV037	Đặng Thị Hoàng Thiện	21/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phạm Văn Đồng	8,25	10,5	18,75	
268	Ngữ văn	NV038	Hoàng Phạm Bảo Trang	31/10/2008	Đắk Lắk	12	Phổ thông Duy Tân	8,5	10,5	19	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
269	Ngữ văn	NV039	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	08/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	11	10	21	
270	Ngữ văn	NV040	Hoàng Trần Bảo Trân	02/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11	11,5	22,5	
271	Ngữ văn	NV041	Mai Hồng Ánh Tuyết	25/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Võ Thị Sáu	9,5	9	18,5	
272	Ngữ văn	NV042	Nguyễn Phê Kim Tuyết	22/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT Lê Hồng Phong	9	10,25	19,25	
273	Ngữ văn	NV043	Nguyễn Thị Thanh Vân	08/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	9,5	10,5	20	
274	Ngữ văn	NV044	Nguyễn Hạ Thảo Vân	04/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	10	10,5	20,5	
275	Ngữ văn	NV045	Trần Thị Ánh Vi	27/12/2009	Đắk Lắk	10	THPT Lê Lợi	5,75	9	14,75	
276	Ngữ văn	NV046	Nguyễn Thảo Lê Vi	19/07/2008	Đắk Lắk	12	Phổ thông Duy Tân	9,5	10,5	20	
277	Ngữ văn	NV047	Đặng Nguyễn Tường Vy	16/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,5	12	22,5	
278	Ngữ văn	NV048	Nguyễn Vy Xon	26/02/2009	Đắk Lắk	11	THPT Phan Chu Trinh	10	9,75	19,75	
279	Ngữ văn	NV049	Huỳnh Duyên Xuân	24/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10	11	21	
280	Ngữ văn	NV050	Phạm Lê Hải Yến	10/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Trãi	10,25	9	19,25	
281	Ngữ văn	NV051	Trương Công Quốc An	15/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Hồng Đức	9	10	19	
282	Ngữ văn	NV052	Nguyễn Hà Anh	30/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,5	11	20,5	
283	Ngữ văn	NV053	Phạm Thị Lan Anh	04/06/2008	Đắk Lắk	12	PTDTNT THPT Đam San	10	10,25	20,25	
284	Ngữ văn	NV054	Phạm Thị Minh Anh	05/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11	12	23	
285	Ngữ văn	NV055	Phạm Phương Anh	11/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chu Văn An	9,25	9,75	19	
286	Ngữ văn	NV056	Đặng Thị Bình	17/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Đình Phùng	10,5	10	20,5	
287	Ngữ văn	NV057	Phạm Hoàng Minh Châu	14/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT Trần Đại Nghĩa	11,25	9,75	21	
288	Ngữ văn	NV058	Bùi Phạm Khánh Di	02/06/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,5	14,25	22,75	
289	Ngữ văn	NV059	Nguyễn Thúy Diễm	18/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Văn Cừ	12	10	22	
290	Ngữ văn	NV060	Huỳnh Vương Trúc Diễm	17/05/2008	Đắk Lắk	12	PTDTNT THPT N' Trang Long	9	9,75	18,75	
291	Ngữ văn	NV061	Lê Nguyễn Thùy Dung	30/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,5	10,75	20,25	
292	Ngữ văn	NV062	Trần Thị Thùy Dung	25/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Thực hành Cao Nguyên	9,5	11	20,5	
293	Ngữ văn	NV063	Trần An Dương	01/05/2008	Đắk Lắk	12	THPT Hồng Đức	7,25	9,5	16,75	
294	Ngữ văn	NV064	Nguyễn Ngọc Linh Đan	26/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Y Jút	9	10,25	19,25	
295	Ngữ văn	NV065	Nông Thị Trà Giang	03/12/2009	Đắk Lắk	11	PTDTNT THPT Đam San	10	10,5	20,5	
296	Ngữ văn	NV066	Đinh Nguyễn Bích Hà	24/12/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Đại Nghĩa	9	9,5	18,5	
297	Ngữ văn	NV067	Phạm Ngọc Hà	10/01/2008	Đắk Lắk	12	PTDTNT THPT N' Trang Long	10,5	9,5	20	
298	Ngữ văn	NV068	Phạm Thanh Hoa	13/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11	10	21	
299	Ngữ văn	NV069	Lê Thị Thu Hồng	19/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hữu Trác	10	11	21	
300	Ngữ văn	NV070	Nguyễn Thị Thanh Huyền	23/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Hồng Đức	9,5	9	18,5	
301	Ngữ văn	NV071	Nguyễn Thị Thu Hương	29/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Nhân Tông	10	9,25	19,25	
302	Ngữ văn	NV072	Nguyễn Lê Khanh	24/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Đình Phùng	10	9	19	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
303	Ngữ văn	NV073	Lê Quốc Khánh	25/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	9	9,5	18,5	
304	Ngữ văn	NV074	Nguyễn Thùy Diệu Linh	09/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chu Văn An	9	9,75	18,75	
305	Ngữ văn	NV075	Nguyễn Thị Hà Linh	20/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Văn Cừ	9,75	11	20,75	
306	Ngữ văn	NV076	Giang Ngọc Linh	10/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Huỳnh Thúc Kháng	10,5	10	20,5	
307	Ngữ văn	NV077	Phùng Lê Ngọc Linh	05/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,25	13,25	26,5	
308	Ngữ văn	NV078	Nguyễn Thị Diễm My	02/12/2008	Đắk Lắk	12	THPT Cư M'gar	9,75	11,25	21	
309	Ngữ văn	NV079	Phạm Hiền My	03/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT Thực hành Cao Nguyên	11	10,5	21,5	
310	Ngữ văn	NV080	Hồ Hoàng Thảo My	03/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Tôn Đức Thắng	10,25	9	19,25	
311	Ngữ văn	NV081	Nguyễn Thị Thảo My	21/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT Hùng Vương	10,5	10,5	21	
312	Ngữ văn	NV082	Lâm Thị Trà My	30/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Hùng Vương	10,5	9,5	20	
313	Ngữ văn	NV083	Nguyễn Thị Trà My	06/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT Trần Nhân Tông	10,25	9,5	19,75	
314	Ngữ văn	NV084	Nguyễn Bảo Nam	09/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Trần Đại Nghĩa	12	9,5	21,5	
315	Ngữ văn	NV085	Lê Thùy Ngân	06/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11	11	22	
316	Ngữ văn	NV086	Nguyễn Thị Triệu Ngân	31/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Nguyễn Công Trứ	10	10,25	20,25	
317	Ngữ văn	NV087	Nguyễn Nhật Minh Nghi	15/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11	11	22	
318	Ngữ văn	NV088	Nguyễn Trần Thảo Nguyên	31/01/2008	Đắk Lắk	12	TH, THCS và THPT Hoàng Việt	9,75	10,5	20,25	
319	Ngữ văn	NV089	Trần Nguyễn Thảo Nhi	30/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	12	23,5	
320	Ngữ văn	NV090	Trần Ngô Uyên Nhi	22/03/2009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	12,75	10,75	23,5	
321	Ngữ văn	NV091	Trần Phạm Bảo Nhiên	27/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Thực hành Cao Nguyên	9,5	9,75	19,25	
322	Ngữ văn	NV092	Trần Hoàng Cẩm Nhung	04/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Phan Bội Châu	11,5	10,5	22	
323	Ngữ văn	NV093	Phan Hoàng Gia Như	05/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Trần Phú	10	10,25	20,25	
324	Ngữ văn	NV094	Nguyễn Thị Như	10/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Đình Phùng	10,5	11,75	22,25	
325	Ngữ văn	NV095	Nguyễn Bùi Đông Phương	12/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Ngô Gia Tự	9,5	9	18,5	
326	Ngữ văn	NV096	Phạm Lê Quỳnh Phương	19/12/2008	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	11	10,5	21,5	
327	Ngữ văn	NV097	Trần Ngọc Thảo Phương	25/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Hồng Đức	8,5	7,75	16,25	
328	Ngữ văn	NV098	Lê Thị Phương	23/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Hùng Vương	9	11	20	
329	Ngữ văn	NV099	Đinh Thảo Quyên	14/05/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,75	13	26,75	
330	Ngữ văn	NV100	Bùi Trần Diễm Quỳnh	29/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,25	12,5	24,75	
331	Ngữ văn	NV101	Huỳnh Mai Quỳnh	14/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,75	10	21,75	
332	Ngữ văn	NV102	Nguyễn Bùi Khắc Tâm	01/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Huỳnh Thúc Kháng	10	10,5	20,5	
333	Ngữ văn	NV103	Bùi Thị Thanh	19/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Nhân Tông	10	10,5	20,5	
334	Ngữ văn	NV104	Nguyễn Thanh Thảo	29/06/2008	Bình Định	12	THPT Lê Quý Đôn	10	10,75	20,75	
335	Ngữ văn	NV105	Trần Minh Thiên	07/04/2008	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Đông Du	9,5	10,75	20,25	
336	Ngữ văn	NV106	Lê Ngọc Anh Thư	25/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Bội Châu	10,5	9,5	20	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
337	Ngữ văn	NV107	Tạ Thị Minh Thu	03/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13	11,25	24,25	
338	Ngữ văn	NV108	Phan Thị Hoài Thương	10/08/2008	Đắk Lắk	12	PTDTNT THPT N' Trang Long	10,5	10,75	21,25	
339	Ngữ văn	NV109	Ngũ Khánh Thy	10/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,5	10,75	21,25	
340	Ngữ văn	NV110	Đỗ Hà Trang	28/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,75	10,25	22	
341	Ngữ văn	NV111	Trần Ngọc Yến Trang	20/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chu Văn An	9,5	10,75	20,25	
342	Ngữ văn	NV112	Nguyễn Hà Bảo Trâm	30/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Ngô Gia Tự	10,25	10,75	21	
343	Ngữ văn	NV113	Trần Bảo Trâm	17/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,75	12,5	24,25	
344	Ngữ văn	NV114	Hồ Thị Hoài Trâm	21/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Bình Khiêm	8,5	11	19,5	
345	Ngữ văn	NV115	Vũ Hồ Huyền Trâm	16/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11	10,5	21,5	
346	Ngữ văn	NV116	Nguyễn Thị Thanh Trúc	26/01/2008	Bình Định	12	THPT Lê Hữu Trác	10	10	20	
347	Ngữ văn	NV117	Trần Thị Thu Uyên	03/09/2009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	12	11	23	
348	Ngữ văn	NV118	Cao Thanh Vân	22/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	12	11	23	
349	Ngữ văn	NV119	Phùng Trần Thanh Vân	12/05/2008	Đắk Lắk	12	THPT Cư M'gar	11	11,75	22,75	
350	Ngữ văn	NV120	H' Xa Zu- kđoh	07/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Huỳnh Thúc Kháng	9	8,25	17,25	
351	Ngữ văn	NV121	Trần Thị Hải Yến	10/06/2008	Đắk Lắk	12	TH, THCS và THPT Victory	8,5	11	19,5	
352	Ngữ văn	NV122	Nguyễn Ngọc Như Ý	08/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Ngô Gia Tự	9	9	18	
353	Sinh học	SH001	Phạm Quỳnh Anh	22/12/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,75	5,25	10	
354	Sinh học	SH002	Nguyễn Thị Linh Chi	11/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,375	5,875	10,25	
355	Sinh học	SH003	Phan Nguyên Dũng	02/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,5	4,25	12,75	
356	Sinh học	SH004	Nguyễn Vũ Minh Đức	18/03/2009	Thái Bình	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11,75	8,125	19,875	
357	Sinh học	SH005	Ngô Bích Hợp	05/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,55	2,25	4,8	
358	Sinh học	SH006	Vũ Thanh Gia Huy	12/03/2008	Đắk Lắk	12	Phổ thông Duy Tân	4,5	2,875	7,375	
359	Sinh học	SH007	Tạ Khánh Huy	03/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,75	14,25	24	
360	Sinh học	SH008	Đặng Hoàng Long	03/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1,25	1,5	2,75	
361	Sinh học	SH009	Lê Minh Lợi	02/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,625	5,25	9,875	
362	Sinh học	SH010	Nguyễn Thị Ngọc Mai	21/05/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,25	8,25	12,5	
363	Sinh học	SH011	Đặng Nguyễn Thảo My	09/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6,125	6,25	12,375	
364	Sinh học	SH012	Nguyễn Hoàng Nam	14/06/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,625	4,375	13	
365	Sinh học	SH013	Lê Trần Bảo Ngọc	26/12/2008	Tp. Hồ Chí Minh	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3,625	4,75	8,375	
366	Sinh học	SH014	Nguyễn Lê Thảo Nguyên	20/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6,625	5,625	12,25	
367	Sinh học	SH015	Trần Văn Nguyễn	26/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6,05	2,875	8,925	
368	Sinh học	SH016	Nguyễn Đào Khánh Như	25/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1,25	2	3,25	
369	Sinh học	SH017	Nguyễn Gia Phúc	06/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,175	8,5	17,675	
370	Sinh học	SH018	Trương Mỹ Quý	07/05/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,125	7,625	17,75	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
371	Sinh học	SH019	Nguyễn Đào Thanh Tâm	19/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,675	2,625	7,3	
372	Sinh học	SH020	Lê Phúc Tân	12/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6,375	6,375	12,75	
373	Sinh học	SH021	Lê Như Thảo	30/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	2,875	4,375	7,25	
374	Sinh học	SH022	Trần Viết Thuận	19/03/2008	Tp. Hồ Chí Minh	12	THPT Nguyễn Huệ	8,125	4,875	13	
375	Sinh học	SH023	Lê Anh Thư	13/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8	4,75	12,75	
376	Sinh học	SH024	Nguyễn Thị Anh Thư	04/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,025	7,625	16,65	
377	Sinh học	SH025	Nguyễn Bảo Lam Trà	29/05/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Phú	7,75	6,625	14,375	
378	Sinh học	SH026	Trần Phương Trâm	14/09/2008	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Nguyễn Viết Xuân	5,575	1,25	6,825	
379	Sinh học	SH027	Trần Nguyễn Bảo Trân	05/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,5	4,125	6,625	
380	Sinh học	SH028	Huỳnh Thị Kiều Trinh	26/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	3,075	2,75	5,825	
381	Sinh học	SH029	Tôn Thất Hoàng Trí	10/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3,8	4,875	8,675	
382	Sinh học	SH030	Lê Nhật Trường	02/05/2008	Phú Yên	12	THPT Lê Trung Kiên	2,875	2,375	5,25	
383	Sinh học	SH031	Lê Võ Anh Tuấn	05/02/2009	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Văn Linh	8	4,75	12,75	
384	Sinh học	SH032	Nguyễn Thanh Tú	15/01/2008	Tp. Hồ Chí Minh	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,25	6,5	15,75	
385	Sinh học	SH033	Nguyễn Đàm Đồng Văn	27/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3,375	4,125	7,5	
386	Sinh học	SH034	Huỳnh Đức Việt	22/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,675	7,625	16,3	
387	Sinh học	SH035	Lê Đỗ Phúc Vinh	31/03/2009	Tp. Hồ Chí Minh	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5	5,8	10,8	
388	Sinh học	SH036	Trần Nguyễn Quang Vinh	01/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Văn Linh	3,5	2,75	6,25	
389	Sinh học	SH037	Cao Lê Xuân Vũ	10/04/2008	Đắk Lắk	12	Phổ thông Duy Tân	3,5	6,25	9,75	
390	Sinh học	SH038	Đặng Quốc An	17/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Ngô Gia Tự	5,475	6,75	12,225	
391	Sinh học	SH039	Nguyễn Ngọc Bội	28/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,125	6,25	11,375	
392	Sinh học	SH040	Phùng Nguyễn Tuệ Châu	18/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,75	7,25	16	
393	Sinh học	SH041	Ngô Trần Linh Đan	07/06/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,5	3,125	7,625	
394	Sinh học	SH042	Quách Công Đức	26/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Nhân Tông	2,75	3,875	6,625	
395	Sinh học	SH043	Trần Hoàng Diệu Hằng	03/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	2,75	4,25	7	
396	Sinh học	SH044	Nguyễn Thị Diệu Hoa	16/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,125	7,125	14,25	
397	Sinh học	SH045	Nguyễn Ngọc Minh Khánh	09/11/2009	Gia Lai	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,875	5	14,875	
398	Sinh học	SH046	Trương Nguyễn Tuấn Kiệt	22/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,875	8,25	16,125	
399	Sinh học	SH047	Trần Thị Mai Linh	06/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,25	5	16,25	
400	Sinh học	SH048	Nguyễn Triệu Phi Long	25/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Trường Chinh	1,25	2,25	3,5	
401	Sinh học	SH049	Hà Thị Đại Lộc	08/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Nhân Tông	6,625	6,625	13,25	
402	Sinh học	SH050	Lê Đức Mạnh	06/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Ngô Gia Tự	6,75	7,375	14,125	
403	Sinh học	SH051	Hồ Thị Thanh Mỹ	26/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Ngô Gia Tự	7,725	5,5	13,225	
404	Sinh học	SH052	Nguyễn Thị Minh Ngọc	16/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,675	11,625	23,3	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
405	Sinh học	SH053	Nguyễn Trần Mai Nguyên	06/09/2008	Đắk Lắk	12	PTDTNT Tây Nguyên	10,25	6,25	16,5	
406	Sinh học	SH054	Nguyễn Xuân Nhi	16/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,375	3,375	8,75	
407	Sinh học	SH055	Phan Hoàng Phước	19/05/2008	Quảng Ngãi	12	THPT số 1 Phan Đình Phùng	4,675	5	9,675	
408	Sinh học	SH056	Nguyễn Văn Quang	20/03/2009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	3	3,75	6,75	
409	Sinh học	SH057	Nông Hoàng Minh Tân	09/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,25	7,25	12,5	
410	Sinh học	SH058	Bùi Đông Thi	20/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,375	7,375	16,75	
411	Sinh học	SH059	Trần Thị Phương Trinh	07/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Võ Nguyên Giáp	4,5	5	9,5	
412	Sinh học	SH060	Vũ Đức Tuấn	10/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Trần Quốc Toản	4,875	6,25	11,125	
413	Sinh học	SH061	Lê Minh Tú	08/02/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,55	8,25	18,8	
414	Sinh học	SH062	Phạm Ngọc Tổ Uyên	26/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,35	6	14,35	
415	Sinh học	SH063	Đỗ Thị Hồng Vân	28/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trường Chinh	4	4	8	
416	Sinh học	SH064	Nguyễn Thảo Vân	14/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	3	5,75	8,75	
417	Sinh học	SH065	Trần Thị Thảo Vy	02/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT Võ Nguyên Giáp	5,6	5	10,6	
418	Tiếng Anh	TA001	Huỳnh Gia Bảo	26/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9	6,5	15,5	
419	Tiếng Anh	TA002	Trần Gia Bảo	27/10/2009	Đắk Lắk	11	Phổ thông Duy Tân	12	10,6	22,6	
420	Tiếng Anh	TA003	Nguyễn Quỳnh Di	30/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11,7	13	24,7	
421	Tiếng Anh	TA004	Trần Hương Giang	13/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,2	7,7	15,9	
422	Tiếng Anh	TA005	Nguyễn Khánh Hà	11/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,8	11,8	24,6	
423	Tiếng Anh	TA006	Nguyễn Bích Hải	28/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6,8	6,8	13,6	
424	Tiếng Anh	TA007	Lê Huyền Cát Hân	09/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	13,4	14,2	27,6	
425	Tiếng Anh	TA008	Đoàn Mai Hoàng	02/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	13,7	12,5	26,2	
426	Tiếng Anh	TA009	Phù Tường Hoàng	29/06/2008	Bà Rịa - Vũng Tàu	12	Phổ thông Duy Tân	14,5	11,9	26,4	
427	Tiếng Anh	TA010	Dương Công Huân	21/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11	10	21	
428	Tiếng Anh	TA011	Lê Bảo Khanh	28/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8	8,7	16,7	
429	Tiếng Anh	TA012	Nguyễn Quốc Khánh	12/06/2008	Gia Lai	12	THPT Phan Chu Trinh	10,9	10,3	21,2	
430	Tiếng Anh	TA013	Nguyễn Vĩnh Khánh	26/04/2009	Tp. Hồ Chí Minh	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,5	8,5	21	
431	Tiếng Anh	TA014	Đỗ Nguyễn Đăng Khoa	12/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	14,8	14,1	28,9	
432	Tiếng Anh	TA015	Đoàn Tuấn Kiệt	28/01/2008	Đắk Lắk	11	THPT Trần Phú	13,7	12,7	26,4	
433	Tiếng Anh	TA016	Trần Nhật Minh	08/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,5	10,3	22,8	
434	Tiếng Anh	TA017	Phạm Hoàn Nguyên	13/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11,8	12,4	24,2	
435	Tiếng Anh	TA018	Lương Tú Phương	30/07/2009	Đắk Lắk	11	Phổ thông Duy Tân	11	12	23	
436	Tiếng Anh	TA019	Phan Kiên Sư	16/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	14	11,9	25,9	
437	Tiếng Anh	TA020	Ngô Thiên Tài	28/06/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11,9	10,9	22,8	
438	Tiếng Anh	TA021	Lê Thuận Thiên	26/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,3	12	24,3	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
439	Tiếng Anh	TA022	Phạm Anh Thơ	22/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,8	7,7	15,5	
440	Tiếng Anh	TA023	Nguyễn Bùi An Thuyên	01/06/2009	Đắk Lắk	11	Phổ thông Duy Tân	10,6	9,9	20,5	
441	Tiếng Anh	TA024	Cù Anh Thư	24/07/2009	Gia Lai	11	Phổ thông Duy Tân	7,1	8	15,1	
442	Tiếng Anh	TA025	Lê Trần Trúc Thy	10/03/2008	Tp. Hồ Chí Minh	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9,4	9,4	18,8	
443	Tiếng Anh	TA026	Nguyễn Xuân Tiến	05/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	14,5	12,9	27,4	
444	Tiếng Anh	TA027	Trần Đức Toàn	29/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10,7	12,3	23	
445	Tiếng Anh	TA028	Trần Đỗ Khánh Trang	05/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,8	6,7	14,5	
446	Tiếng Anh	TA029	Đặng Quỳnh Bách Trâm	07/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,9	12	24,9	
447	Tiếng Anh	TA030	Nguyễn Phạm Hồng Trâm	25/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,2	9,9	22,1	
448	Tiếng Anh	TA031	Võ Lê Minh Trí	24/12/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	14	9,9	23,9	
449	Tiếng Anh	TA032	Võ Ngô Anh Tuấn	01/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11,6	12,1	23,7	
450	Tiếng Anh	TA033	Trần Bảo Uyên	23/06/2008	Đắk Lắk	12	Phổ thông Duy Tân	7,2	8,2	15,4	
451	Tiếng Anh	TA034	Trần Gia An	06/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,1	9,5	20,6	
452	Tiếng Anh	TA035	Trần Nguyễn Khánh An	11/08/2009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	12,7	12,5	25,2	
453	Tiếng Anh	TA036	Nguyễn Võ Thành An	09/09/2008	Đắk Lắk	12	TH, THCS và THPT Victory	7,1	9,7	16,8	
454	Tiếng Anh	TA037	Huỳnh Trần Triệu An	09/10/2008	Đắk Lắk	12	TH, THCS và THPT Phú Xuân	8	7,1	15,1	
455	Tiếng Anh	TA038	Bùi Kim Anh	19/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,7	11,2	22,9	
456	Tiếng Anh	TA039	Đoàn Thị Minh Anh	10/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,7	10,3	21	
457	Tiếng Anh	TA040	Dương Thục Anh	08/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,2	12,6	23,8	
458	Tiếng Anh	TA041	Nguyễn Quang Bảo	05/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hữu Trác	12,3	8,8	21,1	
459	Tiếng Anh	TA042	Đặng Phúc Nguyên Bình	23/11/2010	Đắk Lắk	10	THCS và THPT Đông Du	11,1	10,3	21,4	
460	Tiếng Anh	TA043	Nguyễn Đức Châu	16/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,6	13,6	28,2	
461	Tiếng Anh	TA044	Vũ Long Giang Châu	07/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Hồng Đức	6,8	6,8	13,6	
462	Tiếng Anh	TA045	Nguyễn Ngọc Minh Châu	06/08/2010	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,4	10	20,4	
463	Tiếng Anh	TA046	Nguyễn Thị Mai Chi	12/10/2010	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	12,4	23,9	
464	Tiếng Anh	TA047	Trương Dũng	15/11/2009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	13,6	11,6	25,2	
465	Tiếng Anh	TA048	Nguyễn Quốc Đạt	09/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Đình Phùng	10,4	9,2	19,6	
466	Tiếng Anh	TA049	Nguyễn Tiến Đức	13/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	9	10,1	19,1	
467	Tiếng Anh	TA050	Lê Cao Minh Giáp	28/06/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,3	9,5	17,8	
468	Tiếng Anh	TA051	Đỗ Lê Quang Hà	26/02/2009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	8,4	6,7	15,1	
469	Tiếng Anh	TA052	Nguyễn Thị Xuân Hoài	09/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT Lê Quý Đôn	6	6,2	12,2	
470	Tiếng Anh	TA053	Hồ Lê Hoàng	20/10/2009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	9,6	10,6	20,2	
471	Tiếng Anh	TA054	Nguyễn Việt Hoàng	23/04/2010	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,7	11,9	24,6	
472	Tiếng Anh	TA055	Trần Lê Huy	26/04/2009	Đắk Lắk	11	PTDTNT Tây Nguyên	10,7	10,1	20,8	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
473	Tiếng Anh	TA056	Dương Trần Bảo Hưng	11/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,2	11,7	24,9	
474	Tiếng Anh	TA057	Lộc Lê Bảo Khang	16/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chu Văn An	10,8	10,4	21,2	
475	Tiếng Anh	TA058	Nguyễn Anh Khôi	17/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,6	12,3	23,9	
476	Tiếng Anh	TA059	Trần Anh Kiệt	08/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,4	10,8	21,2	
477	Tiếng Anh	TA060	Lương Ngọc Lan	01/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Bội Châu	8,4	11,2	19,6	
478	Tiếng Anh	TA061	Đỗ Hoàng Trúc Ly	15/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Hồng Đức	8,2	8	16,2	
479	Tiếng Anh	TA062	Ngô Phương Mai	07/01/2008	Bình Định	12	THCS và THPT Đông Du	12,5	13,5	26	
480	Tiếng Anh	TA063	Lê Thị Phương Mai	01/05/2010	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,5	11,4	25,9	
481	Tiếng Anh	TA064	Trần Lê Minh	09/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,2	12,4	24,6	
482	Tiếng Anh	TA065	Võ Hoàng My	18/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,1	11,3	21,4	
483	Tiếng Anh	TA066	Lê Phương Nam	24/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,8	11,7	23,5	
484	Tiếng Anh	TA067	Phạm Nguyễn Hà Ngân	09/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Ngô Gia Tự	7,7	8,4	16,1	
485	Tiếng Anh	TA068	Bùi Kim Ngân	27/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,9	10,2	21,1	
486	Tiếng Anh	TA069	Trương Quang Ngọc	12/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	10,7	22,2	
487	Tiếng Anh	TA070	Nguyễn Hoàng Nguyên	18/09/2009	Tp. Hồ Chí Minh	11	THPT Lê Quý Đôn	7,5	10,4	17,9	
488	Tiếng Anh	TA071	Trịnh Lê Thanh Nguyên	16/12/2008	Đắk Lắk	12	PTDTNT Tây Nguyên	11,7	12,2	23,9	
489	Tiếng Anh	TA072	Nguyễn Chí Nhân	03/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	6	6	12	
490	Tiếng Anh	TA073	Đặng Phương Nhi	20/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,6	10,2	19,8	
491	Tiếng Anh	TA074	Đặng Khánh Nhiên	15/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Phan Đình Phùng	12	11,7	23,7	
492	Tiếng Anh	TA075	Nguyễn Uy Phong	09/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	7,5	6	13,5	
493	Tiếng Anh	TA076	Chung Chí Thiện	09/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Quý Đôn	10,8	8	18,8	
494	Tiếng Anh	TA077	Nguyễn Thịnh	05/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Lê Quý Đôn	9,8	9,5	19,3	
495	Tiếng Anh	TA078	Hồ Sỹ Thịnh	27/04/2008	Đắk Lắk	12	PTDTNT Tây Nguyên	9,3	8,2	17,5	
496	Tiếng Anh	TA079	Nguyễn Văn Thuận	31/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	12	11,4	23,4	
497	Tiếng Anh	TA080	Nguyễn Khánh Thu	31/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	10,6	22,1	
498	Tiếng Anh	TA081	Đỗ Minh Thu	03/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,3	10,8	24,1	
499	Tiếng Anh	TA082	Lê Nguyễn Minh Thu	01/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,1	13,8	27,9	
500	Tiếng Anh	TA083	Tổng Minh Thu	01/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,3	10,4	20,7	
501	Tiếng Anh	TA084	Lê Đình Tiến	02/06/2009	Đắk Lắk	11	THPT Buôn Ma Thuột	8,2	6,9	15,1	
502	Tiếng Anh	TA085	Trần Văn Toàn	28/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chu Văn An	9,4	7,7	17,1	
503	Tiếng Anh	TA086	Phạm Nguyễn Thủy Trang	09/11/2009	Quảng Nam	11	THPT Phan Đăng Lưu	9,2	8,7	17,9	
504	Tiếng Anh	TA087	Huỳnh Minh Triết	17/02/2008	Bình Định	12	THPT Hồng Đức	6,5	5,3	11,8	
505	Tiếng Anh	TA088	Nguyễn Quốc Việt	31/07/2009	Đắk Lắk	11	TH, THCS và THPT Victory	7	7,3	14,3	
506	Tiếng Pháp	TP001	Huỳnh Trần Duy An	16/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,05	10,05	19,1	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
507	Tiếng Pháp	TP002	Trần Thiện An	15/10/2008	Đồng Nai	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,45	10,8	18,25	
508	Tiếng Pháp	TP003	Nguyễn Quốc Duy	02/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,3	8,35	15,65	
509	Tiếng Pháp	TP004	Hồ Ngọc Hân	15/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	10,85	22,35	
510	Tiếng Pháp	TP005	Vũ Xuân Hòa	21/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,5	13,95	27,45	
511	Tiếng Pháp	TP006	Phan Hoàng Xuân Huy	21/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,65	9,15	16,8	
512	Tiếng Pháp	TP007	Trương Hà Phương Linh	14/02/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	17,25	17,55	34,8	
513	Tiếng Pháp	TP008	Phạm Hoàng Thảo My	14/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,05	7,25	14,3	
514	Tiếng Pháp	TP009	Mai Nhật Nam	12/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	6,9	9,15	16,05	
515	Tiếng Pháp	TP010	Võ Ngọc Kim Ngân	09/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,85	14,75	28,6	
516	Tiếng Pháp	TP011	Phạm Quỳnh Như	25/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	7,05	6,85	13,9	
517	Tiếng Pháp	TP012	Nguyễn Võ Quỳnh Như	20/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT Buôn Ma Thuột	7,1	6,7	13,8	
518	Tiếng Pháp	TP013	Nguyễn Ngọc Minh Quang	12/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,9	11,6	23,5	
519	Tiếng Pháp	TP014	Hoàng Minh Quân	11/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,8	12,1	25,9	
520	Tiếng Pháp	TP015	Phạm Như Quỳnh	31/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,65	10,15	21,8	
521	Tiếng Pháp	TP016	Võ Ngọc Anh Thơ	22/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,5	10,7	19,2	
522	Tiếng Pháp	TP017	Nguyễn Kiều Trang	03/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,5	13,3	25,8	
523	Tiếng Pháp	TP018	Đoàn Phạm Kiều Trâm	15/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,8	9,85	19,65	
524	Tiếng Pháp	TP019	Lương Phương Vân	11/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,9	7,65	15,55	
525	Tiếng Pháp	TP020	Nguyễn Quang Vinh	12/05/2010	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,65	10,65	21,3	
526	Tin học	TH001	Đặng Kỳ Anh	01/01/2009	Đắk Lắk	10	THPT Lê Lợi	12,78	16,64	29,42	
527	Tin học	TH002	Nguyễn Nhật Anh	04/06/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	16,88	10,69	27,57	
528	Tin học	TH003	Huỳnh Nhật Bảo	23/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,97	0,28	5,25	
529	Tin học	TH004	Nguyễn Quốc Cường	07/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	0	0	0	
530	Tin học	TH005	Trần Hoàng Bảo Duy	09/06/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3	0,35	3,35	
531	Tin học	TH006	Nguyễn Minh Đạt	09/02/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,57	4,1	16,67	
532	Tin học	TH007	Đặng Tiên Đạt	30/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	15,58	9,28	24,86	
533	Tin học	TH008	Lê Phước Duy Đức	29/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0,7	1,25	1,95	
534	Tin học	TH009	Thái Doãn Hà	03/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Du	0,9	0	0,9	
535	Tin học	TH010	Võ Lê Minh Hào	12/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0	0	0	
536	Tin học	TH011	Nguyễn Thị Thanh Hoài	25/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Đình Phùng	0	3,15	3,15	
537	Tin học	TH012	Nguyễn Thái Học	25/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0,42	0	0,42	
538	Tin học	TH013	Nguyễn Cao Huy	28/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh				Vắng
539	Tin học	TH014	Phạm Đắc Bảo Khang	28/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,7	8,64	16,34	
540	Tin học	TH015	Lê Nhật Khánh	02/07/2008	Đắk Lắk	11	THPT Lê Lợi	1,5	0,3	1,8	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
541	Tin học	TH016	Nguyễn Xuân Khải	20/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,9	1,55	9,45	
542	Tin học	TH017	Phan Anh Khôi	02/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3,28	0,84	4,12	
543	Tin học	TH018	Lê Việt Khôi	13/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	11	2,43	13,43	
544	Tin học	TH019	Phạm Minh Kiệt	15/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,07	5,4	12,47	
545	Tin học	TH020	Trần Quốc Long	05/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6,5	0,35	6,85	
546	Tin học	TH021	Lê Duy Mạnh	12/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	13,2	5,75	18,95	
547	Tin học	TH022	Nguyễn Đại Minh	26/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,18	2,41	10,59	
548	Tin học	TH023	Lương Hiếu Ngân	01/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	6,5	0,35	6,85	
549	Tin học	TH024	Hồ Minh Phúc	02/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	17,05	7,72	24,77	
550	Tin học	TH025	Nguyễn Nhật Quý	11/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5,27	0,6	5,87	
551	Tin học	TH026	Dương Tấn Sang	12/11/2009	Tp. Hồ Chí Minh	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5,42	0	5,42	
552	Tin học	TH027	Nguyễn Thanh Thuyên	25/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,19	6,45	14,64	
553	Tin học	TH028	Huỳnh Võ Thành Tính	23/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5,04	7,96	13	
554	Tin học	TH029	Lương Quốc Toàn	07/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0	0	0	
555	Tin học	TH030	Ngô Minh Tường	24/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,34	0,35	7,69	
556	Tin học	TH031	Đặng Ân Ngọc Vũ	04/01/2008	Tuy Hoà	12	THPT Nguyễn Huệ	2,23	0,63	2,86	
557	Tin học	TH032	Lê Bảo An	05/08/2009	Quảng Nam	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	18,8	13,14	31,94	
558	Tin học	TH033	Huỳnh Bảo Anh	22/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT Y Jút	5,92	7,08	13	
559	Tin học	TH034	Nguyễn Văn Duy Anh	08/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Quý Đôn	0	0	0	
560	Tin học	TH035	Nguyễn Hà Tuấn Anh	03/02/2009	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Bình Khiêm	13,57	4,23	17,8	
561	Tin học	TH036	Lê Gia Bảo	08/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	6,65	3,99	10,64	
562	Tin học	TH037	Đỗ Quốc Bình	08/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,94	1,46	6,4	
563	Tin học	TH038	Phan Minh Châu	11/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,49	2,58	12,07	
564	Tin học	TH039	Nguyễn Thành Danh	10/03/2009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	19,4	13,05	32,45	
565	Tin học	TH040	Nguyễn Đức Dũng	20/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	15,3	16,71	32,01	
566	Tin học	TH041	Nguyễn Thái Dương	04/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Trần Nhân Tông	8,3	6,01	14,31	
567	Tin học	TH042	Trần Minh Đạt	28/07/2009	Đắk Lắk	11	PTDTNT Tây Nguyên	16	6,89	22,89	
568	Tin học	TH043	Phạm Thị Thanh Hà	19/08/2008	Hưng Yên	12	THPT Chu Văn An	8,88	2,4	11,28	
569	Tin học	TH044	Trần Thị Hồng Hạnh	07/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT Krông Bông	2,38	0	2,38	
570	Tin học	TH045	Lê Hiếu	20/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,87	6,25	18,12	
571	Tin học	TH046	Nguyễn Bá Hoàng	27/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	12,36	7,25	19,61	
572	Tin học	TH047	Nguyễn Trịnh Huy Hoàng	14/06/2009	Đắk Lắk	11	THPT Buôn Ma Thuột	4,26	0	4,26	
573	Tin học	TH048	Đinh Phú Hoàng	08/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,9	5,7	13,6	
574	Tin học	TH049	Nguyễn Quốc Huy	13/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	1,68	6,01	7,69	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
575	Tin học	TH050	Nguyễn Công Hưng	12/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,82	7,42	18,24	
576	Tin học	TH051	Phạm Quốc Hưng	15/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,48	12,17	25,65	
577	Tin học	TH052	Phùng Công Hữu	06/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	1,18	2,1	3,28	
578	Tin học	TH053	Nguyễn Minh Khang	21/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	6,76	2,73	9,49	
579	Tin học	TH054	Lê Nguyễn Anh Khoa	14/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Buôn Hồ	11,8	6,18	17,98	
580	Tin học	TH055	Võ Anh Khoa	10/01/2010	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,84	0,35	10,19	
581	Tin học	TH056	Phạm Đăng Khoa	06/03/2010	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	0	1,2	1,2	
582	Tin học	TH057	Đào Tuấn Khoa	15/06/2010	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,49	6,96	14,45	
583	Tin học	TH058	Lê Anh Khôi	30/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	0,56	0,14	0,7	
584	Tin học	TH059	Trương Ngọc Lâm	16/12/2010	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,42	12,66	22,08	
585	Tin học	TH060	Nguyễn Thành Lưu	16/11/2007	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	9,14	6,98	16,12	
586	Tin học	TH061	Nguyễn Lê Anh Minh	21/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	15,44	14,75	30,19	
587	Tin học	TH062	Nguyễn Hải Nhật Minh	12/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,72	3,76	12,48	
588	Tin học	TH063	Đỗ Tuấn Minh	25/06/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,77	5,84	13,61	
589	Tin học	TH064	Trần Hoàng Nam	06/02/2008	Đắk Lắk	12	TH, THCS và THPT Victory	8,05	0,6	8,65	
590	Tin học	TH065	Nguyễn Thành Nhân	13/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	17,68	16,71	34,39	
591	Tin học	TH066	Nguyễn Hữu Phúc	26/12/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,15	10,6	15,75	
592	Tin học	TH067	Lê Việt Quốc	05/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Nguyễn Công Trứ	0	0,14	0,14	
593	Tin học	TH068	Lưu Tiến Thanh	02/08/2009	Đắk Lắk	11	TH, THCS và THPT Hoàng Việt	3,15	3,47	6,62	
594	Tin học	TH069	Ngô Phan Thiên Thảo	06/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,4	5,38	9,78	
595	Tin học	TH070	Hoàng Văn Thiện	24/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	13,34	7,3	20,64	
596	Tin học	TH071	Phan Phúc Tiến	25/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,9	8,89	16,79	
597	Tin học	TH072	Lê Vũ Anh Tin	03/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	3,42	8,3	11,72	
598	Tin học	TH073	Trần Khánh Toàn	24/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,9	0,9	5,8	
599	Tin học	TH074	Đoàn Ngọc Bảo Trân	13/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	14,46	10,74	25,2	
600	Tin học	TH075	Nguyễn Thành Trung	17/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	15,44	11,34	26,78	
601	Tin học	TH076	Trương Trần Anh Tuấn	03/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,22	1,5	6,72	
602	Tin học	TH077	Nguyễn Xuân Tùng	04/12/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	15,58	7,39	22,97	
603	Tin học	TH078	Hồ Thị Cẩm Vân	22/08/2009	Quảng Nam	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	1,55	0,58	2,13	
604	Tin học	TH079	Hoàng Đình Hải Vương	26/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	18,8	5,83	24,63	
605	Toán	TO001	Đặng Thế Anh	05/02/2008	Tp. Hồ Chí Minh	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0	5	5	
606	Toán	TO002	Nguyễn Thanh Ân	12/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Lê Hồng Phong	4,5	5,5	10	
607	Toán	TO003	Nguyễn Thành Phúc Bảo	11/09/2008	Tp. Hồ Chí Minh	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1	5	6	
608	Toán	TO004	Phạm Ngọc Minh Chân	16/02/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	7,5	6	13,5	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
609	Toán	TO005	Nguyễn Nguyên Chinh	18/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12,5	12	24,5	
610	Toán	TO006	Đặng Xuân Chương	19/02/2009	Tp. Hồ Chí Minh	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	12	6,5	18,5	
611	Toán	TO007	Đinh Quốc Duy	27/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3	1,5	4,5	
612	Toán	TO008	Lưu Chí Hiếu	22/05/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5	4	9	
613	Toán	TO009	Lê Nguyên Khang	16/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1	1	2	
614	Toán	TO010	Võ Đăng Khánh	02/01/2009	Đắk Lắk	11	Phổ thông Duy Tân	4,5	0,5	5	
615	Toán	TO011	Nguyễn Đăng Khoa	24/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0	1	1	
616	Toán	TO012	Huỳnh Xuân Lộc	03/02/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6	9	15	
617	Toán	TO013	Đặng Kỳ Nam	15/07/2008	Tp. Hồ Chí Minh	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	16	13	29	
618	Toán	TO014	Hồ Ngọc Gia Nguyên	05/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6	2,5	8,5	
619	Toán	TO015	Trần Phúc Nguyên	19/02/2009	Đắk Lắk	11	Phổ thông Duy Tân	6	3	9	
620	Toán	TO016	Đặng Ngọc Phát	24/02/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	10	8	18	
621	Toán	TO017	Đặng Nhật Quang	19/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2	1	3	
622	Toán	TO018	Lưu Vũ Thê Quang	24/02/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	20	9	29	
623	Toán	TO019	Phạm Bảo Quyên	04/06/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1	1,5	2,5	
624	Toán	TO020	Nguyễn Phước Tân	04/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Phan Chu Trinh	0	2	2	
625	Toán	TO021	Nguyễn Huỳnh Phú Thiên	16/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8	7,5	15,5	
626	Toán	TO022	Nguyễn Thành Tiến	07/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	10	3,5	13,5	
627	Toán	TO023	Đặng Ngọc Bảo Trân	30/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4	3	7	
628	Toán	TO024	Huỳnh Thái Trịnh	18/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0	8	8	
629	Toán	TO025	Nguyễn Hữu Trực	06/07/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5	7	12	
630	Toán	TO026	Trần Ngọc Tuyền	15/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,5	5	9,5	
631	Toán	TO027	Phan Anh Tú	19/11/2009	Đắk Lắk	11	Phổ thông Duy Tân	0,5	1	1,5	
632	Toán	TO028	Nguyễn Thảo Uyên	09/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5	0,5	5,5	
633	Toán	TO029	Đinh Văn Tuấn Anh	01/01/2009	Đắk Nông	11	THCS và THPT Đông Du	11	0,5	11,5	
634	Toán	TO030	Mai Thành Biên	14/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Phan Bội Châu	3,5	5	8,5	
635	Toán	TO031	Bùi Trí Cường	14/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,5	5	10,5	
636	Toán	TO032	Trần Công Đăng	22/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,5	0,5	11	
637	Toán	TO033	Nguyễn Thị Hương Giang	18/02/2009	Thừa Thiên Huế	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8	0	8	
638	Toán	TO034	Vũ Hoàng Hải	15/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	6	2	8	
639	Toán	TO035	Lê Văn Hải	09/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Ngô Gia Tự	0,5	8	8,5	
640	Toán	TO036	Hoàng Huỳnh Ngọc Hoan	14/08/2010	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,5	8	18,5	
641	Toán	TO037	Nguyễn Minh Hoàng	07/12/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10,5	3,5	14	
642	Toán	TO038	Phạm Hoàng Quang Huy	05/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT Lắc	6	5	11	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
643	Toán	TO039	Đỗ Khang	03/02/2010	Đắk Lắk	10	THCS và THPT Đông Du	5	2	7	
644	Toán	TO040	Nguyễn Hữu Anh Khoa	23/10/2009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	13	5	18	
645	Toán	TO041	Trần Nguyễn Anh Khoa	13/11/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	13	8	21	
646	Toán	TO042	Nguyễn Đình Khoa	29/12/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Quý Đôn	1	1,5	2,5	
647	Toán	TO043	Hồ Hoàng Kiện	03/10/2010	Đắk Lắk	10	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,5	0	4,5	
648	Toán	TO044	Trần Cung Hoàng Long	09/06/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	15,5	10,5	26	
649	Toán	TO045	Nguyễn Kim Ngân	12/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Đình Phùng	0,5	0,5	1	
650	Toán	TO046	Lê Nguyễn Minh Nghĩa	09/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,5	13	18,5	
651	Toán	TO047	Lê Diễm Ngọc	31/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	9	12	21	
652	Toán	TO048	Nguyễn Đình Nguyên	27/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Đình Phùng	1,5	6	7,5	
653	Toán	TO049	Nguyễn Văn Thành Nhân	09/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	12	8	20	
654	Toán	TO050	Lữ Thị An Nhi	23/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	2	9,5	11,5	
655	Toán	TO051	Ngô Bảo Phong	26/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	12	11,5	23,5	
656	Toán	TO052	Trần Nguyên Phong	21/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chu Văn An	5	5	10	
657	Toán	TO053	Nguyễn Trương Phước	20/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	10	12	22	
658	Toán	TO054	Trịnh Huỳnh Bảo Quốc	19/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11	6	17	
659	Toán	TO055	Phan Văn Quý	01/02/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	6,5	5	11,5	
660	Toán	TO056	Hoàng Sơn	11/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	15,5	8	23,5	
661	Toán	TO057	Hoàng Nhật Tân	04/10/2010	Đắk Nông	10	THCS và THPT Đông Du	7	1	8	
662	Toán	TO058	Lương Ngọc Thiên Thanh	27/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT số 1 Trần Phú	1	0,5	1,5	
663	Toán	TO059	Nguyễn Minh Trí	13/11/2009	Đắk Nông	11	THCS và THPT Đông Du	6	8	14	
664	Toán	TO060	Nguyễn Phan Thế Trình	27/05/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	14	8	22	
665	Toán	TO061	Nguyễn Xuân Trường	30/08/2008	Đắk Nông	12	THPT Thực hành Cao Nguyên	0,5	1	1,5	
666	Toán	TO062	Trần Triều Vũ	05/01/2009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	16	12	28	
667	Vật lí	LI001	Lương Trọng Bằng	09/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0,75	1,75	2,5	
668	Vật lí	LI002	Trần Ngọc Châu	26/12/2008	Đắk Lắk	12	THPT Lê Hồng Phong	1,75	3,75	5,5	
669	Vật lí	LI003	Huỳnh Hữu Chiến	18/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,5	5,25	9,75	
670	Vật lí	LI004	Trần Lương Minh Chính	04/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,5	0,25	2,75	
671	Vật lí	LI005	Nguyễn Hoàng Duy	08/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	8,75	12,75	21,5	
672	Vật lí	LI006	Lê Nguyễn Khánh Duyên	11/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0,25	2,25	2,5	
673	Vật lí	LI007	Nguyễn Bình Dương	02/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5	6	11	
674	Vật lí	LI008	Nguyễn Duy Dương	08/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1,25	3,75	5	
675	Vật lí	LI009	Nguyễn Thành Đạt	24/10/2008	Phú Yên	12	THPT Lê Trung Kiên	0,25	2	2,25	
676	Vật lí	LI010	Trần Trọng Đạt	22/05/2008	Đắk Lắk	12	THPT Võ Thị Sáu	0,75	1,5	2,25	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
677	Vật lí	LI011	Hoàng Quốc Minh Đăng	23/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh				Vắng
678	Vật lí	LI012	Huỳnh Tấn Khiêm	16/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5	11	16	
679	Vật lí	LI013	Nguyễn Tự Trung Kiên	09/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2	5,5	7,5	
680	Vật lí	LI014	Đinh Phúc Lâm	05/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,25	8	10,25	
681	Vật lí	LI015	Lê Huỳnh Mỹ Linh	24/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	0	2,25	2,25	
682	Vật lí	LI016	Nguyễn Hoàng Gia Luyn	17/07/2008	Đắk Lắk	12	Phổ thông Duy Tân	0,25	1,5	1,75	
683	Vật lí	LI017	Trần Lê Minh	21/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	9	13	22	
684	Vật lí	LI018	Nguyễn Xuân Phát	03/12/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	2,5	2,75	5,25	
685	Vật lí	LI019	Đỗ Gia Phúc	19/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3,25	4,75	8	
686	Vật lí	LI020	Đỗ Huỳnh Minh Quang	10/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT chuyên Lương Văn Chánh	1	3	4	
687	Vật lí	LI021	Huỳnh Hoàng Sinh	18/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	4,75	5,5	10,25	
688	Vật lí	LI022	Huỳnh Nguyễn Chí Thanh	09/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	0,5	0,5	1	
689	Vật lí	LI023	Nguyễn Thanh Thiên	19/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	5,25	7,75	13	
690	Vật lí	LI024	Trương Thị Ngọc Trâm	17/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	3,75	4,25	8	
691	Vật lí	LI025	Nguyễn Nhật Trường	11/05/2008	Đắk Lắk	12	Phổ thông Duy Tân	6	6,5	12,5	
692	Vật lí	LI026	Nguyễn Nhật Ty	29/05/2008	Đắk Lắk	11	THPT Nguyễn Thái Bình	0,5	0,75	1,25	
693	Vật lí	LI027	Nguyễn Quốc Vũ	25/03/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Quốc Tuấn	7,25	14,5	21,75	
694	Vật lí	LI028	Nguyễn Phương Yến	20/04/2009	Gia Lai	11	THPT chuyên Lương Văn Chánh	6	8	14	
695	Vật lí	LI029	Võ Nguyễn Lan Anh	07/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	1,5	3	4,5	
696	Vật lí	LI030	Trần Việt Anh	15/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5	6,5	11,5	
697	Vật lí	LI031	Trần Gia Bảo	09/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,75	9	16,75	
698	Vật lí	LI032	Lê Nguyễn An Bình	18/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	3	5	8	
699	Vật lí	LI033	Đỗ Lê Dương Hân	09/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8	9,25	17,25	
700	Vật lí	LI034	Đoàn Nguyễn Gia Hân	19/04/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	3	4,5	7,5	
701	Vật lí	LI035	Nguyễn Phú Hậu	03/04/2009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	3,25	5	8,25	
702	Vật lí	LI036	Huỳnh Phạm Hòa	29/05/2008	Đắk Lắk	12	THCS và THPT Đông Du	5,5	6,25	11,75	
703	Vật lí	LI037	Mai Gia Khánh	18/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Buôn Hồ	1	2,25	3,25	
704	Vật lí	LI038	Lưu Vinh Khánh	04/01/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,75	8	15,75	
705	Vật lí	LI039	Hồ Anh Khoa	14/10/2008	Đắk Lắk	12	THPT Nguyễn Bình Khiêm	1,5	3,25	4,75	
706	Vật lí	LI040	Nguyễn Thị Thanh Lam	17/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,25	12,25	17,5	
707	Vật lí	LI041	Võ Vỹ Lâm	15/01/2009	Quảng Ngãi	11	THCS và THPT Đông Du	6,5	10,25	16,75	
708	Vật lí	LI042	Nguyễn Trần Quang Minh	10/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,5	9,25	17,75	
709	Vật lí	LI043	Lã Quý Minh	17/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Buôn Hồ	0,75	2,25	3	
710	Vật lí	LI044	Đậu Hải Nam	09/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT số 1 Phan Đình Phùng	1,5	4	5,5	

TT	Môn	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Trường	Điểm V1	Điểm V2	Tổng điểm	Ghi chú
711	Vật lí	LI045	Nguyễn Thị Thu Ngân	24/02/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	3,75	7	10,75	
712	Vật lí	LI046	Trần Nguyễn Khôi Nguyên	09/11/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,75	9,25	14	
713	Vật lí	LI047	Trương Khôi Nguyên	14/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,25	11,5	15,75	
714	Vật lí	LI048	Trần Nguyễn Thảo Nguyên	10/05/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,5	6,75	11,25	
715	Vật lí	LI049	Nguyễn Thế Anh Quân	19/08/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	5,25	7	12,25	
716	Vật lí	LI050	Nguyễn Đình Quân	02/08/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	7,25	7,25	14,5	
717	Vật lí	LI051	Hồ Minh Quân	21/03/2009	Đắk Lắk	11	THPT Buôn Ma Thuột	1,25	4	5,25	
718	Vật lí	LI052	Lưu Văn Quân	01/10/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	8,75	10	18,75	
719	Vật lí	LI053	Phạm Trọng Tân	04/09/2009	Đắk Lắk	11	THPT Chuyên Nguyễn Du	11,5	13,5	25	
720	Vật lí	LI054	Đỗ Đình Thắng	04/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	1,25	2,75	4	
721	Vật lí	LI055	Nguyễn Đức Ân Thiên	07/07/2008	Tp. Hồ Chí Minh	12	THPT Buôn Ma Thuột	1,25	3,25	4,5	
722	Vật lí	LI056	Võ Gia Thịnh	22/09/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	4,25	2,5	6,75	
723	Vật lí	LI057	Nguyễn Anh Thư	29/01/2008	Đắk Lắk	12	THPT Chuyên Nguyễn Du	1,25	4,25	5,5	
724	Vật lí	LI058	Nguyễn Trần Gia Uy	30/03/2009	Đắk Lắk	11	THCS và THPT Đông Du	7,25	6,25	13,5	
725	Vật lí	LI059	Lê Hoàng Vũ	18/04/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Đại Nghĩa	0,75	1	1,75	
726	Vật lí	LI060	Nguyễn Ngọc Xanh	24/07/2008	Đắk Lắk	12	THPT Trần Đại Nghĩa	2,75	4,25	7	

Danh sách này có 726 thí sinh.

NGƯỜI LẬP BẢNG



Đinh Tấn Truyền

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 9 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Phạm Huy Văn
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT